

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 3579/UBND-TH ngày

04 tháng 7 năm 2024 về việc hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

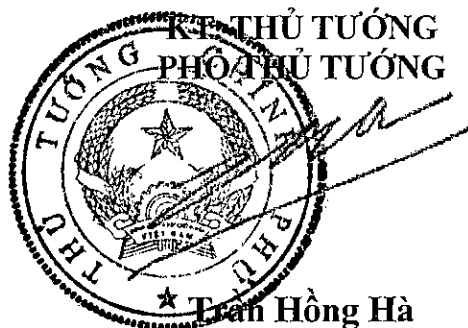
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2) Đ.Mính. +4





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc

đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Tập trung triển khai các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, liên thông, hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế (hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh); đặc biệt là các tuyến đường kết nối các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, các tuyến kết nối giao thông với vùng và các địa phương có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (đặc biệt là thành phố Hà Nội)... Mở mới, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, các nút giao kết nối với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai.

b) Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật du lịch, đáp ứng các tiêu chí của khu vực được công nhận khu du lịch quốc gia, các khu du lịch của tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; các công trình, dự án cấp thoát nước; công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; dự án điện;...

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Phát triển một số ngành công nghiệp, như: Công nghiệp năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó, ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản, vật liệu xây dựng cao cấp;... Tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến khoáng sản, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất công nghệ cao, tự động hóa.

b) Phát triển mạnh mẽ dịch vụ - đô thị, logistics, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các dự án có quy mô lớn đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, Khu du lịch quốc gia Sa Pa và các khu du lịch được xác định là khu du lịch cấp tỉnh; hình thành các khu dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh. Phát triển du lịch kết hợp với nghỉ dưỡng, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị cao;... tập trung phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện (MICE), nghỉ dưỡng, sinh thái với các dịch vụ đi kèm như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí, thể thao mạo hiểm.

c) Phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp làm cơ sở tập trung, thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao.

d) Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu quốc gia và toàn cầu, có năng lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ.

đ) Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng phát triển của địa phương, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; ban hành cơ chế để các doanh nghiệp trên địa bàn liên kết với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

e) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai 05 năm 2021 - 2025:

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030:

- Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

- Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển và mở rộng khu, cụm công nghiệp tập trung; các khu dân cư. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng gắn với quá trình hình thành khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ và mở rộng khu dân cư đô thị, nông thôn.

- Dành đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học,... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng (khoảng 60 % trở lên) để bảo vệ môi trường.

- Khai thác sử dụng đất phải coi trọng công tác quốc phòng, an ninh; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và vùng.

4. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân là 10% trong thời kỳ 2021-2030, tỉnh Lào Cai dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 774.000 tỷ đồng, cụ thể:

STT	Nguồn vốn	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Thời kỳ 2021-2030
	Tổng số	260.000	514.000	774.000
1	Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	30.940	61.166	92.106
2	Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	131.820	260.598	392.418
3	Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI)	97.240	192.236	289.476

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Lào Cai bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Lào Cai đã được phê duyệt.

¹ Gồm ngân sách nhà nước Trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu, triển khai chương trình hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, trong đó hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tiềm năng, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

b) Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn. Tiếp tục kêu gọi thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, trồng rừng kinh tế, phát triển du lịch, lắp ráp ô tô,... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: cấp điện, nước, đường giao thông; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Tăng cường các hoạt động tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách quản lý nguồn nhân lực, lấy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động làm phương châm chính trong quản lý nhân sự.

b) Nâng cao chất lượng hệ thống các trường học và đội ngũ giáo viên, học sinh. Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục

trong tổng ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích liên kết hợp tác với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

c) Phát triển thị trường lao động theo hướng ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc mọi lĩnh vực. Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, thiết bị; hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến.

d) Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

đ) Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc trung gian, triển khai đào tạo nghề theo hình thức kết hợp các chương trình chia sẻ nguồn lực đào tạo giữa các doanh nghiệp và liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi của tỉnh nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

e) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp. Tăng cường đổi mới và thực hiện đồng bộ các khâu, các quy trình về công tác cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp, các ngành trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

g) Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết hợp với các cơ sở đào tạo nghề thực hiện các chương trình và hình thức đào tạo, đào tạo lại gồm cả nâng cao kỹ năng tác nghiệp hướng tới tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm đáp ứng tình hình mới.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng

công nghệ phục vụ phát triển cách mạng công nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số,...

b) Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua công cụ chính sách tín dụng, thuế, trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của xã hội đối ứng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước tài trợ một phần kinh phí; ưu tiên đầu tư ngân sách để nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm.

Tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư để đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; tăng cường năng lực, đầu tư thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học và công nghệ khai thác nguồn vốn nước ngoài từ hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo.

c) Ưu tiên bố trí ngân sách từ 1,2 - 1,5%, phần đầu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

d) Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt

Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho giới chức và tín đồ có hoạt động tôn giáo thông thường nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

e) Trên cơ sở quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

c) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính...) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

Việc lập, phê duyệt, thực hiện các dự án trong danh mục phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật (cả pháp luật hiện hành và pháp luật có hiệu lực trước đây khi thực hiện việc đề xuất, lập, phê duyệt, triển khai dự án) và phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia về giao thông, năng lượng, bảo tồn di sản thiên nhiên, khoáng sản...).

Đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

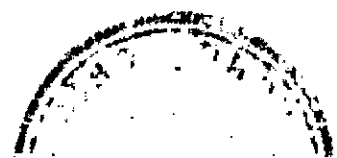


Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn	
		2021-2025	2026-2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công
I	Dự án giao thông				
1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 152	x	x	x	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 155 kết nối trung tâm thị xã Sa Pa và Y Tý	x	x	x	
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 161	x	x	x	
4	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 162	x	x	x	
5	Đầu tư xây dựng đường Cốc Mỳ - Y Tý	x	x	x	
6	Đầu tư xây dựng đường kết nối Cảng hàng không Sa Pa - trung tâm thị xã Sa Pa	x	x	x	
7	Đầu tư xây dựng đường kết nối Cảng hàng không Sa Pa - Khu Kinh tế cửa khẩu	x	x	x	
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai biên giới Bản Vược - Trịnh Tường	x	x	x	
9	Xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng tại xã Bản Vược	x	x	x	
10	Xây dựng các cầu vượt sông Hồng	x	x	x	
11	Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị	x	x	x	
12	Nâng cấp tuyến đường thủy Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai	x	x	x	
II	Dự án phát triển đô thị				
1	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị thành phố Lào Cai	x	x	x	x
2	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị thị xã Sa Pa	x	x	x	x
3	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị Y Tý	x	x	x	x
4	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị Bắc Hà	x	x	x	x



STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn	
		2021-2025	2026-2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công
5	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị Bảo Thắng (thị trấn Phố Lu mở rộng)	x	x	x	x
6	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị Bát Xát (thị trấn Bát Xát mở rộng)	x	x	x	x
7	Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị Bảo Hà – Tân An	x	x	x	x
III	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu kinh tế				
	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai	x	x	x	x
IV	Cấp nước sinh hoạt tại các khu vực				
1	Đầu tư xây dựng công trình sản xuất nước sạch và mạng lưới phân phối nước TP Lào Cai	x	x	x	x
2	Đầu tư xây dựng công trình sản xuất nước sạch và mạng lưới phân phối nước tại các đô thị: Thị xã Sa Pa, Phố Lu, Tầng Loỏng, Bắc Hà, Bảo Hà - Tân An, Y Tý	x	x	x	x
3	Cấp nước sinh hoạt các xã khó khăn, thiếu nước	x	x	x	x
V	Dự án thủy lợi, phòng chống thiên tai				
1	Các công trình thủy lợi huyện Si Ma Cai	x	x	x	
2	Các công trình thủy lợi huyện Mường Khương	x	x	x	
3	Các công trình thủy lợi huyện Bắc Hà	x	x	x	
4	Đầu tư xây dựng kè sông suối dọc tuyến biên giới	x	x	x	
VI	Dự án hạ tầng khu xử lý chất thải, nước thải				
1	Khu xử lý chất thải Đồng Tuyển	x	x		x
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các khu xử lý chất thải: Khu xử lý chất thải nguy hại tại KCN Tầng Loỏng, khu xử lý chất thải Phú Nhuận, khu xử lý chất thải Xuân Quang.	x	x		x
3	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải cho thành phố Lào Cai	x	x	x	x
4	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải cho thị xã Sa Pa	x	x	x	x
5	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải cho các đô thị Bắc Hà, Phố Lu, Tầng Loỏng, khu	x	x	x	x

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn	
		2021-2025	2026-2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công
	vực quy hoạch xây dựng đô thị Y Tý, Bảo Hà – Tân An				
VII	Kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao				
1	Đầu tư xây dựng Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống	x	x	x	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Thư viện tỉnh	x	x	x	
3	Đầu tư xây dựng Trung tâm Giải trí - Văn hóa tỉnh	x	x	x	x
4	Đầu tư xây dựng Tượng đài Trần Hưng Đạo	x	x	x	
5	Đầu tư xây dựng Công viên và Tượng đài Hồ Chí Minh	x	x	x	
6	Đầu tư xây dựng Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Sa Pa	x	x	x	
VIII	Du lịch				
1	Đầu tư xây dựng các tuyến đường ngắm cảnh, đường kết nối đi du lịch với các trục giao thông chính tại Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà	x	x	x	x
2	Hệ thống biển chỉ dẫn du lịch; Bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch; hệ thống biển quảng cáo tấm lớn quảng bá về du lịch tỉnh Lào Cai	x	x	x	x
3	Nâng cấp dinh Hoàng A Tưởng thành Nhà du lịch	x	x	x	
IX	Giáo dục và đào tạo				
1	Đầu tư nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai trở thành Trường Đại học Lào Cai	x	x	x	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường Cao đẳng Lào Cai thành trường trọng điểm chất lượng Quốc gia, ngang tầm Quốc tế	x	x	x	
3	Đầu tư xây dựng Trường trung học phổ thông Chuyên Lào Cai	x	x	x	
4	Đầu tư xây dựng các trường THCS, THPT, liên cấp THCS-THPT: Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS-THPT Bảo Thắng, Trường THCS-THPT Y Tý, Trường THPT số 3 huyện Bắc Hà, Trường THPT số 5 thành phố Lào Cai, Trường THPT số 3 thị xã Sa Pa, Trường THPT số 1 Mường Khương	x	x	x	

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn	
		2021-2025	2026-2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công
X	Y tế				
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	x	x	x	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Phục hồi chức năng	x	x	x	
3	Đầu tư xây dựng một số bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Phổi, Tim ..)	x	x	x	
XI	An sinh xã hội, trợ giúp xã hội				
1	Xây dựng Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Lào Cai	x	x	x	
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 tỉnh	x	x	x	
3	Đầu tư nâng cấp Cơ sở Cai nghiện thành phố Lào Cai	x	x	x	
XII	Khoa học và công nghệ				
1	Cơ sở ươm tạo công nghệ	x	x	x	x
2	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật các cơ sở khoa học công nghệ công lập	x	x	x	x
XIII	Dự án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học				
1	Đầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải tự động môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai và 02 xe quan trắc lưu động chất lượng môi trường không khí	x	x	x	x
2	Đầu tư nâng cấp thiết bị phòng thí nghiệm quan trắc môi trường	x	x	x	
3	Dự án tăng cường năng lực, thiết bị, công cụ phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước	x	x	x	x
4	Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học	x	x	x	x
5	Quan trắc môi trường, giám sát nước thải và đa dạng sinh học	x	x	x	x
6	Thành lập Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	x	x	x	x
7	Xây dựng vườn thuốc nam	x	x	x	x

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn	
		2021-2025	2026-2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công
XIV	Dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn				
1	Phát triển vùng sản xuất hàng hóa các loại cây trồng chủ lực phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	x	x	x	x
2	Phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp tiềm năng có giá trị cao của các địa phương	x	x	x	x
3	Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất gắn với liên kết và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai	x	x	x	x
4	Dự án trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai	x	x	x	x
5	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai	x	x	x	x
6	Đề án phát triển cơ sở chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai	x	x	x	x
XV	Dự án công nghiệp				
	Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên tỉnh Lào Cai	x	x	x	x



Phụ lục II

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC NGOÀI VỐN ĐẦU TƯ
CÔNG ƯỚC TIỀN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn
		2021-2025	2026-2030	
I	Lĩnh vực giao thông			
1	Cảng hàng không Sa Pa	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
2	Đường nối Cảng hàng không Sa Pa – Trung tâm thị xã Sa Pa	x	X	
3	Xây dựng và kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe tại các đô thị, khu vực quy hoạch xây dựng đô thị	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
4	Đường sắt Phô Lu - Cam Đường	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
5	Đường sắt nối Ga Phô Lu - Ga Xuân Giao - Khu mỏ Apatit Lào Cai	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
6	Đường sắt nối cảng cạn Lào Cai - Ga Lào Cai	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
7	Đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng Lục Cầu (Kim Thành)	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
8	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng Phô Mới	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
9	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng Phô Lu	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
10	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng Bảo Hà	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
11	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng khác	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
II	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cảng cạn			
1	Cảng cạn Lào Cai	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
2	Cảng cạn Kim Thành - Bản Vược	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
3	Cảng cạn gắn với Cảng hàng không Sa Pa	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
III	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp			
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bản Qua (trong Khu kinh tế cửa khẩu)	x	x	Ngoài vốn đầu tư công

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn
		2021-2025	2026-2030	
2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Cốc Mỹ-Trịnh Tường	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Võ Lao	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
4	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Cam Cọn	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
5	CCN Khánh Yên Thượng	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
6	CCN Thống Nhất 1	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
7	CCN Thống Nhất 2	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
8	CCN Thống Nhất 3	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
9	CCN Trung Chải	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
10	CCN Thị trấn Phố Lu	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
12	CCN Cam Cọn	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
IV	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu logistics			
1	Trung tâm logistics Kim Thành – Bản Vược	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
2	Khu logistics thành phố Lào Cai	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
3	Khu logistics Tầng Loóng	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
4	Khu logistics phía Tây đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
5	Khu logistics Tân Thượng	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
6	Khu logistics Mường Khương	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
7	Khu logistics Sa Pa	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
V	Dự án năng lượng, sản xuất công nghiệp			
1	Thủy điện kết hợp đập và âu thuyền tại khu vực xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng; xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên.	X	x	Ngoài vốn đầu tư công
2	Các thủy điện	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
3	Các dự án công nghiệp thuộc lĩnh vực: Sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.	x	x	Ngoài vốn đầu tư công
4	Các dự án công nghiệp thuộc lĩnh vực: Chế biến gỗ, chế biến lâm sản.	x	x	Vốn doanh nghiệp

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn
		2021-2025	2026-2030	
5	Các dự án công nghiệp chế biến nông sản (rau, hoa quả, chè, cây dược liệu, ...), sản xuất thực phẩm.	x	x	Vốn ngoài ngân sách
6	Các dự án chế biến sâu quặng Apatit sử dụng công nghệ cao, sạch.	X	x	Vốn doanh nghiệp
7	Các dự án công nghiệp luyện kim và chế tạo sau luyện kim sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.	x	x	Vốn doanh nghiệp
8	Các dự án chế biến sâu quặng đồng	x	x	Vốn doanh nghiệp
9	Các dự án sản xuất dây và cáp điện công nghệ cao, sản xuất thép hình công nghệ cao, sản xuất thép và chế tạo kết cấu thép, sản xuất điện cực, pin, vi mạch...	x	x	Vốn doanh nghiệp
VI	Dự án thương mại, dịch vụ			
1	Đầu tư, kinh doanh Siêu thị	x	x	Vốn ngoài ngân sách
2	Đầu tư, kinh doanh Trung tâm thương mại tại các đô thị	x	x	Vốn ngoài ngân sách
3	Xây dựng và kinh doanh Trung tâm Hội chợ triển lãm	x	x	Vốn ngoài ngân sách
4	Xây dựng, kinh doanh kho xăng dầu	x	x	Vốn ngoài ngân sách
5	Xây dựng, kinh doanh Trạm nạp khí LPG quy mô công nghiệp	x	x	Vốn ngoài ngân sách
6	Xây dựng, kinh doanh trạm sạc điện	x	x	Vốn ngoài ngân sách
7	Tổ hợp công viên cảnh quan, văn hoá, tâm linh Kim Thành	x	x	Vốn ngoài ngân sách
VII	Du lịch, văn hóa, thể dục thể thao			
1	Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp dịch vụ casino	x	x	Vốn doanh nghiệp
2	Cáp treo Y Tý	x	x	Vốn doanh nghiệp
3	Khách sạn 4 sao trở lên	x	x	Vốn doanh nghiệp
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh dịch vụ, du lịch (khu du lịch, resort, khu vui chơi giải trí, homestay ...) tại các địa điểm quy hoạch phát triển du lịch	x	x	Vốn ngoài ngân sách
5	Hệ thống các điểm dừng chân ngắm cảnh tại thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà, Bát Xát và các vị trí có cảnh quan đẹp khác trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Dự kiến nguồn vốn
		2021-2025	2026-2030	
6	Dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch tại Suối nước nóng Bản Mạc, xã Trịnh Tường	x	x	Vốn ngoài ngân sách
7	Thu hút đầu tư các điểm du lịch: Động Hàm Rồng, động Na Măng (huyện Mường Khương); động Mường Vi (huyện Bát Xát); động Tả Phìn (thị xã Sa Pa); thắng cảnh ruộng bậc thang thung lũng Thề Pả (huyện Bát Xát); danh thắng Thác Đầu Nhuan (huyện Bảo Thắng); động Tiên Cảnh (huyện Bảo Yên)	x	x	Vốn ngoài ngân sách
8	Các khu dịch vụ tổng hợp, sân golf	x	x	Vốn ngoài ngân sách
9	Làng thể thao Olympic Tây Bắc	x	x	Vốn ngoài ngân sách
VIII	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp			
	Thu hút đầu tư 03-05 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập (trong đó có tối thiểu 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc tế)	x	x	Vốn ngoài ngân sách
IX	Y tế			
1	Bệnh viện Đa khoa quốc tế	x	x	Vốn doanh nghiệp
2	Bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa	x	x	Vốn ngoài ngân sách
X	An sinh xã hội, trợ giúp xã hội			
	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	x	x	Vốn ngoài ngân sách

Ghi chú:

(1) Việc triển khai thực hiện các dự án năng lượng (tại mục V) phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án năng lượng khác (*nâng cấp, cải tạo và lắp đặt mới các trạm biến áp, đường dây; các dự án thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện cột nước thấp; các dự án điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió, nhiệt điện*): Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư thì thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện./.